

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 508/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1985; thường trú: Khu 1, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 15/12 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn K, sinh năm 1989; thường trú: Khu 1, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 15/12 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Võ Thị T trình bày: Bà T và ông K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2011, quyền số 05 ngày 12/4/2011. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau đó, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, tình cảm hôn nhân không còn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận

thấy mâu thuẫn quá trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắn nên Bà T yêu cầu ly hôn với ông K. Đồng thời Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Lương Thị Anh Th, sinh ngày 24/8/2008 và Lương Huy K, sinh ngày 17/10/2009. Sau khi ly hôn, Bà T giao 02 con chung cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và Bà T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, bị đơn Ông Lương Văn K trình bày: Bà T và ông K là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2011, quyền số 05 ngày 12/4/2011. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hôn nhân không hạnh phúc khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Ông K xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà T. Tuy nhiên, do không sắp xếp được thời gian nên ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Lương Thị Anh Th, sinh ngày 24/8/2008 và Lương Huy K, sinh ngày 17/10/2009. Sau khi ly hôn, ông K yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2011, quyền số 05 ngày 12/4/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 05/2022 đến nay và yêu cầu được ly hôn. Ông K thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà T và ông K đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa Bà T và ông K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và

ông K đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông K có 02 (hai) con chung tên Lương Thị Anh Th, sinh ngày 24/8/2008 và Lương Huy K, sinh ngày 17/10/2009. Khi giải quyết ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Thư và cháu Khải từ trước đến nay cháu sống cùng bố. Quá trình giải quyết vụ án, ông K yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu Bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị T đối với Ông Lương Văn K về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn với Ông Lương Văn K. (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2011, quyển số 05 do Ủy ban nhân dân xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/4/2011).

- Về con chung: Bà Võ Thị T giao 02 cháu Lương Thị Anh Th, sinh ngày 24/8/2008 và Lương Huy K, sinh ngày 17/10/2009 cho Ông Lương Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Lương Văn K không yêu cầu Bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, Bà T và ông K đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp Bà T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông K nuôi con thì ông có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự

có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Võ Thị T và Ông Lương Văn K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000633, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng